

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 26.3.2022

TRỰC DIỆN VỚI MA

Kinh Samiddhi (Samiddhisuttam)

CHƯƠNG IV. TƯƠNG ƯNG ÁC MA, PHẨM THỨ BA (S.i, 119)

Có bức tường vô hình giữa cái biết và cái không biết. Điều này trùng hợp cả đối với thiên tử ma cũng như phiền não ma. Khi Ác ma bị nhận diện thì tự biến mất. Phiền não ma cũng vậy. Tâm lý học Tây Phương có phương cách trị liệu đối với những sợ hãi do ám ảnh (phobia) bằng cách đối diện trực tiếp với những gì tạo nên sợ hãi như chuột, gián hay cao độ ..v.v.. Trong trường hợp này Ác ma dùng tiếng động đáng sợ để chi phối tâm của Tôn giả Samiddhi. Đức Phật dạy nên trở về chỗ cũ và trực diện với ma cả ngoại tại cũng như nội tại. Cuối cùng tuệ giác bùng khai.



Kinh Văn

Ekam samayaṃ bhagavā sakkesu viharati silāvatiyaṃ.

Thuở ấy Đức Thế Tôn trú giữa những người Sakya tại Silāvātī.

Tena kho pana samayena āyasmā samiddhi bhagavato avidūre appamatto ātāpī pahitatto viharati.

Bấy giờ gần Đức Thế Tôn có tôn giả Samiddhi sống nhiệt tâm, tinh cần, không xao lãng.

Atha kho āyasmato samiddhissa rahogatassa paṭisallīnassa evaṃ cetaso parivittakko udapādi – “lābhā vata me, suladdhaṃ vata me, yassa me satthā arahaṃ sammāsambuddho. Lābhā vata me, suladdhaṃ vata me, yvāhaṃ evaṃ svākkhāte dhammavinaye pabbajito. Lābhā vata me, suladdhaṃ vata me, yassa me sabrahmacārino sīlavanto kalyāṇadhammā”ti.

Rồi Tôn giả Samiddhi trong lúc độc cư tịnh mặc khởi lên ý nghĩ: “Quả thật lợi ích cho ta; quả thật lợi ích thù diệu cho ta khi đạo sư của ta là bậc Ứng cúng, Chánh đẳng chánh giác; quả thật lợi ích cho ta; quả thật lợi ích thù diệu cho ta khi ta được xuất gia trong pháp và luật khéo giảng dạy; quả thật lợi ích cho ta; quả thật lợi ích thù diệu cho ta khi các bạn đồng phạm tu là những bậc giới hạnh và hiền thiện”

Atha kho māro pāpimā āyasmato samiddhissa cetasā cetoparivitakkamaññāya yenāyasmā samiddhi tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā āyasmato samiddhissa avidūre mahantaṃ bhayabheravaṃ saddamakāsi, apissudaṃ pathavī maññe undrīyati.

Bây giờ Ác ma với tâm của mình biết được suy nghĩ của Tôn giả Samiddhi liền đi tới Tôn giả Samiddhi và tạo nên một âm thanh khủng khiếp như địa chấn cực mạnh.

Atha kho āyasmā samiddhi yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinno āyasmā samiddhi bhagavantaṃ etadavoca –

Rồi Tôn giả Samiddhi đi đến Đức Thế Tôn, sau khi đánh lễ bạch rằng:

“idhāhaṃ, bhante, bhagavato avidūre appamatto ātāpī pahitatto viharāmi. Tassa mayhaṃ, bhante, rahogatassa paṭisallīnassa evaṃ cetaso parivitakko udapādi – ‘lābhā vata me, suladdhaṃ vata me, yassa me satthā arahamaṃ sammāsambuddho. Lābhā vata me, suladdhaṃ vata me, yvāhaṃ evaṃ svākkhāte dhammavinaye pabbajito. Lābhā vata me, suladdhaṃ vata me, yassa me sabrahmacārino sīlavanto kalyāṇadhammā’ti. Tassa mayhaṃ, bhante, avidūre mahābhayabheravasaddo ahoṣi, apissudaṃ pathavī maññe undrīyatī’ti.

Bạch Thế Tôn, con sống gần Đức Thế Tôn với nhiệt tâm, tinh cần, không xao lãng. Rồi trong lúc độc cư tịnh mặc khởi lên ý nghĩ: “Quả thật lợi ích cho ta; quả thật lợi ích thù diệu cho ta khi đạo sư của ta là bậc Ứng cúng, Chánh đẳng chánh giác; quả thật lợi ích cho ta; quả thật lợi ích thù diệu cho ta khi ta được xuất gia trong pháp và luật khéo giảng dạy; quả thật lợi ích cho ta; quả thật lợi ích thù diệu cho ta khi các bạn đồng phạm tu là những bậc giới hạnh và hiền thiện”. Khi ấy có một âm thanh khủng khiếp như địa chấn cực mạnh.

“Nesā, samiddhi, pathavī undrīyati. Māro eso pāpimā tuyhaṃ vicakkhukammāya āgato. Gaccha tvaṃ, samiddhi, tattheva appamatto ātāpī pahitatto viharāhī’ti.

-- Này Samiddhi, không phải là địa chấn. Đó là Ác ma đã đến để làm mờ loạn thầy. Này Samiddhi, Thầy hãy trở lại chỗ ấy và sống nhiệt tâm, tinh cần, không xao lãng.

“Evaṃ, bhante”ti kho āyasmā samiddhi bhagavato paṭissutvā uṭṭhāyāsanā bhagavantam abhivādetvā padakkhiṇam katvā pakkāmi.

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Samiddhi vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Thế Tôn, thân bên phải hướng về Ngài, rồi ra đi.

Dutiyampi kho āyasmā samiddhi tattheva appamatto ātāpī pahitto vihāsi. Dutiyampi kho āyasmato samiddhissa rahogatassa paṭisallīnassa...pe... dutiyampi kho māro pāpimā āyasmato samiddhissa cetasā cetoparivitakkamaññāya...pe... apissudam pathavī maññe undrīyati.

Lần thứ hai tôn giả Samiddhi sống nhiệt tâm, tinh cần, không xao lãng. Lần thứ hai Tôn giả Samiddhi trong lúc độc cư tịnh mặc khởi lên ý nghĩ: “Quả thật lợi ích cho ta; quả thật lợi ích thù diệu cho ta khi đạo sư của ta là bậc Ứng cúng, Chánh đẳng chánh giác Lần thứ hai Ác ma với tâm của mình biết được suy nghĩ của Tôn giả Samiddhi liền đi tới Tôn giả Samiddhi và tạo nên một âm thanh khủng khiếp như địa chấn cực mạnh.

Atha kho āyasmā samiddhi maram pāpimantam gāthāya ajjhabhāsi –

Rồi Tôn giả Samiddhi, sau khi biết: "Đây là Ác ma" liền nói Ác ma kệ ngôn:

**“Saddhāyaḥam pabbajito, agāasmā anagāriyaṃ;
Sati paññā ca me buddhā, cittaṅca susamāhitaṃ;
Kāmaṃ karassu rūpāni, neva maṃ byādhayissasi”ti.**

Xuất gia với niềm tin
Ta sống không gia đình
Niệm, tuệ ta thuần thực
Tâm ý khéo an định
Tạo hình gì người muốn
Chẳng làm ta loạn động.

Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ samiddhi bhikkhū”ti dukkhī dummano tatthevantaradhāyīti.

Rồi Ác ma biết được: "Tỳ-kheo Samiddhi biết ta", nên buồn và thất vọng liền biến mất tại chỗ ấy.



Thích văn

**“Saddhāyāhaṃ pabbajito = Ta xuất gia với niềm tin
agārasmā anagāriyaṃ = thoát tục sống không nhà
Sati paññā ca me buddhā = chánh niệm và trí tuệ đã thuần thực
cittañca susamāhitam = tâm tư đã được khéo an định
Kāmaṃ karassu rūpāni = người có hiện hình kiêu nào đi nữa
neva maṃ byādhayissasī”ti = cũng không khiến ta loạn động**



Thích nghĩa

Chữ buddhā trong kệ ngôn của Tôn giả Samiddhi được tìm thấy trong Trường Lão Tăng Kệ là cách viết khác của chữ vuddhā nghĩa là thuần thực. Trong bản Sớ giải thì nói rằng chữ buddhā ở đây chỉ cho ñātā, mà Hậu Sớ Giải định nghĩa từ này là sự tỏ ngộ bởi thánh đạo với năng lực của tuệ giác (Tā ariyamaggena jānanasamatthanabhāvena avabuddhā).

Cũng theo Sớ giải, không lâu sau sự kiện này Tôn giả Samiddhi chứng quả A la hán.

**Tỳ kheo Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình
-ooOoo-**

2. Samiddhisuttaṃ [Mūla]

158. Ekam samayaṃ bhagavā sakkesu viharati silāvatiyaṃ. Tena kho pana samayena āyasmā samiddhi bhagavato avidūre appamatto ātāpī pahitatto viharati. Atha kho āyasmato samiddhissa rahogatassa paṭisallīnassa evaṃ cetaso parivitakko udapādi – ‘lābhā vata me, suladdhaṃ vata me, yassa me sathā arahaṃ sammāsambuddho. Lābhā vata me, suladdhaṃ vata me, yvāhaṃ evaṃ svākkhāte dhammavinaye pabbajito. Lābhā vata me, suladdhaṃ vata me, yassa me sabrahmacārino sīlavanto kalyāṇadhammā’ ti. Atha kho māro pāpimā āyasmato samiddhissa cetasā cetoparivitakkamaññāya yenāyasmā samiddhi tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā āyasmato samiddhissa avidūre mahantaṃ bhayaḥheravaṃ saddamakāsi, apissudaṃ pathavī maññe undrīyati.

Atha kho āyasmā samiddhi yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinna āyasmā samiddhi bhagavantaṃ etadavoca – ‘idhāhaṃ, bhante, bhagavato avidūre appamatto ātāpī pahitatto viharāmi. Tassa mayhaṃ, bhante, rahogatassa paṭisallīnassa evaṃ cetaso parivitakko udapādi – ‘lābhā vata me, suladdhaṃ vata me, yassa me sathā arahaṃ sammāsambuddho. Lābhā vata me, suladdhaṃ vata me, yvāhaṃ evaṃ svākkhāte dhammavinaye pabbajito. Lābhā vata me, suladdhaṃ vata me, yassa me sabrahmacārino sīlavanto kalyāṇadhammā’ ti. Tassa mayhaṃ, bhante, avidūre mahābhayaḥheravasaddo ahosi, apissudaṃ pathavī maññe undrīyati’ ti.

‘Nesā, samiddhi, pathavī undrīyati. Māro eso pāpimā tuyhaṃ vicakkhukammāya āgato. Gaccha tvaṃ, samiddhi, tattheva appamatto ātāpī pahitatto viharāhī’ ti. ‘Evaṃ, bhante’ ti kho āyasmā samiddhi bhagavato paṭissutvā utthāyāsanā bhagavantaṃ abhivādetvā padakkhiṇaṃ katvā pakkāmi. Dutiyampi kho āyasmā samiddhi tattheva appamatto ātāpī pahitatto vihāsi. Dutiyampi kho āyasmato samiddhissa rahogatassa paṭisallīnassa...pe... dutiyampi kho māro pāpimā āyasmato samiddhissa cetasā cetoparivitakkamaññāya...pe... apissudaṃ pathavī maññe undrīyati. Atha kho āyasmā samiddhi māraṃ pāpimantaṃ gāthāya ajjhabhāsi –

‘Saddhāyāhaṃ pabbajito, agāraṃ anagāriyaṃ;
Sati pañña ca me buddhā, cittaṅca susamāhitaṃ;
Kāmaṃ karassu rūpāni, neva maṃ byādhayissasī’ ti.

Atha kho māro pāpimā ‘jānāti maṃ samiddhi bhikkhū’ ti dukkhī dummano tatthevantaradhāyīti.

2. Samiddhisuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

158. Dutiye **lābhā vata me, suladdhaṃ vata meti** evarūpassa satthu ceva dhammassa ca sabrahmacārīnaṅca laddhattā mayhaṃ lābhā mayhaṃ suladdhanti. So kirāyasmā pacchā mūlakammaṭṭhānaṃ sammāsivā “arahattaṃ gahessāmī”ti pāsādikaṃ tāva kammaṭṭhānaṃ gahetvā buddhadhammasaṅghagūṇe āvajjetvā cittakallataṃ uppādetvā cittaṃ hāsetvā tosetvā nisinno. Tenassa evamahosi. **Upasaṅkamīti** “ayaṃ samiddhi bhikkhu pāsādikaṃ kammaṭṭhānaṃ gahetvā nisinnasadiṣo, yāva mūlakammaṭṭhānaṃ gahetvā arahattaṃ na gaṇhāti, tāvassa antarāyaṃ karissāmī”ti upasaṅkami. **Gaccha tvanti** sathā sakalajambudīpaṃ olokento “tasmiṃyeva ṭhāne tassa kammaṭṭhānaṃ sappāyaṃ bhavissatī”ti addasa, tasmā evamāha. **Satipaṅṅā ca me buddhāti** mayā sati ca paṅṅā ca ñātā. **Karassu rūpānīti** bahūnīpi vibhīṃsakārahānī rūpānī karassu. **Neva maṃ byādhayissatī** maṃ neva vedhayissasi na kampaṣṣesi. Dutiyaṃ.